

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI

Số: 3034 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Gia Lai, ngày 15 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Điều lệ Hội Nữ doanh nhân tỉnh Gia Lai

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ Quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

Căn cứ Quyết định số 2446/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc cho phép hợp nhất Hội Nữ doanh nhân tỉnh Bình Định và Hội Nữ doanh nhân tỉnh Gia Lai (trước đây) thành Hội Nữ doanh nhân tỉnh Gia Lai;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội Nữ doanh nhân tỉnh Gia Lai tại Công văn số 01/CV-NDN ngày 20 tháng 11 năm 2025 và Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 599/TTr-SNV ngày 10 tháng 12 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều lệ Hội Nữ doanh nhân tỉnh Gia Lai đã được Đại hội Hội Nữ doanh nhân tỉnh Gia Lai lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 – 2030 thông qua ngày 19 tháng 11 năm 2025.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nội vụ, Tài chính, Chủ tịch Hội Nữ doanh nhân tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. ./

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Công an tỉnh;
- CVP, PVPTH;
- Lưu: VT, C7.

(Chữ ký)

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Thanh Lịch

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ
HỘI NỮ DOANH NHÂN TỈNH GIA LAI
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 12 năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên gọi

- Tên tiếng Việt: Hội Nữ doanh nhân tỉnh Gia Lai.
- Tên tiếng Anh: Gia Lai Association for Women Executives and Entrepreneurs.
- Tên viết tắt bằng tiếng Anh: GAWEE

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

Hội Nữ doanh nhân tỉnh Gia Lai (sau đây gọi tắt là Hội), là tổ chức xã hội - nghề nghiệp tự nguyện của các nữ doanh nhân, nữ chủ doanh nghiệp, nữ tiểu thương có quê hương là Gia Lai hoặc là nữ doanh nhân, nữ chủ doanh nghiệp, nữ tiểu thương đang sinh sống và làm việc tại tỉnh Gia Lai, hoạt động trong mọi thành phần kinh tế và lĩnh vực sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Mục đích của Hội là tập hợp, đoàn kết hội viên, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên; phát huy tài năng, trí tuệ, nâng cao năng lực của đội ngũ nữ doanh nhân tỉnh Gia Lai trong phát triển kinh tế; là trung tâm kết nối các nữ doanh nhân và nữ chủ doanh nghiệp để hỗ trợ, giúp đỡ nhau, chia sẻ kinh nghiệm, nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; đồng thời góp phần thúc đẩy vào sự phát triển của cộng đồng doanh nghiệp nữ, thúc đẩy bình đẳng giới và đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Gia Lai.

Điều 3. Tư cách pháp lý, trụ sở

- Hội có tư cách pháp nhân, con dấu và tài khoản riêng; hoạt động theo quy định pháp luật Việt Nam và Điều lệ Hội được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Trụ sở chính của Hội đặt tại: Số 208 Diên Hồng, phường Quy Nhơn Nam, tỉnh Gia Lai và Văn phòng Tây Gia Lai tại số 08 Phan Đình Phùng, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Điều 4. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động

- Hội hoạt động trong phạm vi tỉnh Gia Lai thuộc mọi thành phần kinh tế

và mọi lĩnh vực sản xuất kinh doanh theo quy định của pháp luật.

2. Hội chịu sự quản lý nhà nước của UBND tỉnh Gia Lai, sự quản lý của Sở Tài chính và các sở, ngành khác có liên quan đến các lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

3. Hội Nữ Doanh nhân tỉnh Gia Lai là thành viên tập thể của Hiệp hội Nữ doanh nhân Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tỉnh Gia Lai.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động

1. Tự nguyện, tự quản.
2. Dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch.
3. Tự bảo đảm kinh phí hoạt động.
4. Không vì mục đích lợi nhuận.
5. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật, Điều lệ Hội Nữ doanh nhân tỉnh Gia Lai, Điều lệ Hiệp hội Nữ doanh nhân Việt Nam.

Chương II QUYỀN HẠN, NHIỆM VỤ

Điều 6. Quyền hạn

1. Tổ chức, hoạt động theo điều lệ hội đã được phê duyệt.
2. Tuyên truyền tôn chỉ, mục đích hoạt động của hội. Được cung cấp thông tin, phổ biến đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.
3. Đại diện cho hội viên trong mối quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan đến quyền và nghĩa vụ của hội.
4. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội, hội viên và cộng đồng phù hợp với tôn chỉ, mục đích của hội.
5. Tổ chức, phối hợp hoạt động giữa các hội viên vì lợi ích chung của hội.
6. Phổ biến, bồi dưỡng kiến thức cho hội viên; cung cấp thông tin cần thiết cho hội viên theo quy định của pháp luật.
7. Tham gia các chương trình, dự án, đề tài, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, các hoạt động tư vấn, phản biện chính sách theo đề nghị của cơ quan nhà nước; tham gia cung cấp dịch vụ công, tổ chức dạy nghề, truyền nghề theo quy định của pháp luật.
8. Thành lập và quản lý chặt chẽ tổ chức thuộc hội theo quy định của pháp luật và điều lệ hội phù hợp với tôn chỉ, mục đích và lĩnh vực hoạt động của hội.
9. Được tham gia ý kiến trong xây dựng cơ chế, chính sách liên quan trực tiếp đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và lĩnh vực hoạt động của hội. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các vấn đề liên quan tới sự phát triển hội và lĩnh vực hội hoạt động. Được tham gia tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tổ chức

các hoạt động dịch vụ khác theo quy định của pháp luật và được cấp chứng chỉ hành nghề, chứng chỉ năng lực, chứng chỉ khác liên quan đến lĩnh vực hoạt động của hội khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

10. Phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan để thực hiện nhiệm vụ của hội.

11. Thu hội phí của hội viên và hoạt động tạo nguồn thu từ kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật để tự trang trải về kinh phí hoạt động.

12. Được tiếp nhận, quản lý và sử dụng các nguồn tài trợ, viện trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật, gắn với tôn chỉ, mục đích hoạt động, chức năng, nhiệm vụ của hội.

13. Hội hoạt động trong phạm vi toàn quốc hoặc liên tỉnh được gia nhập các tổ chức quốc tế tương ứng và ký kết, thực hiện thỏa thuận quốc tế theo quy định của pháp luật sau khi có ý kiến thống nhất của cấp có thẩm quyền và các cơ quan quản lý nhà nước khác có liên quan về việc gia nhập tổ chức quốc tế tương ứng, ký kết, thực hiện thỏa thuận quốc tế.

14. Khen thưởng, kỷ luật theo quy định của pháp luật và điều lệ hội.

15. Hòa giải tranh chấp, giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo liên quan đến hội.

16. Quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Nghĩa vụ, trách nhiệm của Hội

1. Chấp hành các quy định của cơ quan có thẩm quyền và quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức, hoạt động của hội và điều lệ hội.

2. Không được lợi dụng hoạt động của hội để làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự xã hội, đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống, bản sắc văn hóa dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức; hoạt động tài chính, kinh doanh trái phép làm rối loạn thị trường.

3. Không công nhận, vinh danh, suy tôn, phong tặng các danh hiệu trái quy định của pháp luật.

4. Tập hợp, đoàn kết, phát triển hội viên; tổ chức, phối hợp hoạt động giữa các hội viên vì lợi ích chung của hội và thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích hoạt động của hội.

5. Tuyên truyền, phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước liên quan đến lĩnh vực hội hoạt động, điều lệ, quy chế, quy định của hội và bồi dưỡng, cập nhật kiến thức tới hội viên.

6. Đề xuất sửa đổi, bổ sung điều lệ; quản lý chặt chẽ hoạt động của tổ chức thuộc hội theo quy định của pháp luật và điều lệ; xây dựng, hoàn thiện các quy chế, quy định của hội để làm cơ sở cho hội tổ chức, hoạt động phù hợp với quy định của pháp luật và điều lệ hội.

7. Tuân thủ các quy định về tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ nước ngoài và các quy định pháp luật khác có liên quan; quản lý, sử dụng có hiệu quả các nguồn tài trợ, viện trợ và chịu trách nhiệm là chủ khoản viện trợ theo quy định của pháp luật.

8. Báo cáo hồ sơ tổ chức đại hội; việc thành lập các tổ chức thuộc hội; tình hình tổ chức và hoạt động của hội; kết quả giải quyết tranh chấp, đơn, thư phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo liên quan đến hội với cơ quan nhà nước có thẩm quyền và cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực chính mà hội hoạt động theo quy định của pháp luật.

9. Sau khi miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay đổi chức vụ Chủ tịch, Phó Chủ tịch, thành viên Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Kiểm tra, thay đổi trụ sở, sửa đổi, bổ sung điều lệ, hội phải báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) và Sở Tài chính.

10. Chấp hành sự hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc tuân thủ pháp luật và điều lệ hội.

11. Lập và lưu giữ tại trụ sở hội danh sách hội viên, tổ chức thuộc hội, sổ sách, chứng từ về tài sản, tài chính của hội, biên bản các cuộc họp ban chấp hành, ban thường vụ, ban kiểm tra hội.

12. Việc sử dụng kinh phí của hội phải chấp hành quy định của pháp luật và điều lệ hội đảm bảo công khai, minh bạch. Chịu sự thanh tra, kiểm tra về việc thu, chi, quản lý và sử dụng tài chính, tài sản của cơ quan tài chính và cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

13. Ban hành các quy chế về hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Kiểm tra hội; quản lý, sử dụng tài sản, tài chính của hội; khen thưởng, kỷ luật; quản lý hội viên; giải quyết kiến nghị, phản ánh, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo liên quan đến hội; quản lý và sử dụng con dấu của hội và các quy định khác phù hợp với quy định của pháp luật và điều lệ hội.

14. Xây dựng và ban hành quy tắc đạo đức trong hoạt động của hội.

15. Cập nhật tình hình tổ chức, hoạt động của hội vào cơ sở dữ liệu về hội và phối hợp xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu về hội.

16. Thực hiện các quy định của pháp luật về phòng chống tham nhũng.

17. Nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Chương III

HỘI VIÊN

Điều 8. Hội viên, tiêu chuẩn Hội viên

1. Hội viên của Hội gồm: Hội viên chính thức và hội viên danh dự

a) Hội viên chính thức: Nữ công dân Việt Nam từ 18 tuổi trở lên có đủ năng lực hành vi dân sự, không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang quản lý doanh

nghiệp, tổ chức và hộ kinh doanh gia đình thuộc các thành phần kinh tế trên địa bàn tỉnh Gia Lai, đại diện cho doanh nghiệp hoặc tổ chức kinh tế trong tỉnh được thành lập và đăng ký hoạt động theo pháp luật Việt Nam, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện làm đơn xin gia nhập Hội đều có thể được Ban Thường vụ Hội xem xét, kết nạp làm hội viên chính thức của Hội.

b) Hội viên danh dự: Công dân nữ Việt Nam có uy tín cao trong xã hội, có nhiều công lao đóng góp cho hoạt động của Hội, có thể được Hội mời làm hội viên danh dự của Hội.

2. Những cá nhân và hội viên danh dự có khả năng đóng góp quan trọng làm tăng hiệu quả hoạt động Hội có thể được BCH Hội mời làm cố vấn của Hội.

3. Hội có thể mời và suy tôn một nhà lãnh đạo Đảng, chính quyền làm Chủ tịch danh dự của Hội. Chủ tịch danh dự do Đại hội hoặc Ban Chấp hành Hội mời và suy tôn.

Điều 9. Quyền của hội viên

1. Được Hội bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

2. Được Hội cung cấp thông tin liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội, được tham gia các hoạt động do Hội tổ chức.

3. Được tham gia thảo luận, quyết định các chủ trương công tác của Hội theo quy định của Hội; được kiến nghị, đề xuất ý kiến với cơ quan có thẩm quyền về những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội.

4. Được dự Đại hội, ứng cử, đề cử, bầu cử các cơ quan, các chức danh lãnh đạo và Ban Kiểm tra Hội theo đúng quy định của Hội.

5. Được giới thiệu hội viên mới.

6. Được Hội khen thưởng theo quy định của Hội và quy định của pháp luật. Được giới thiệu để các cơ quan có thẩm quyền xét tặng các hình thức khen thưởng khi đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

7. Được Hội đề cử tham gia các cơ quan, tham gia Ban Chấp hành Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Gia Lai theo quy định nếu đủ điều kiện.

8. Được tham gia các hoạt động do Hiệp hội Nữ doanh nhân Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Gia Lai tổ chức.

9. Được ra khỏi Hội khi xét thấy không thể tiếp tục là hội viên.

10. Hội viên danh dự được hưởng quyền và nghĩa vụ như hội viên chính thức, trừ quyền biểu quyết các vấn đề của Hội và quyền ứng cử, đề cử, bầu cử ban lãnh đạo, ban Kiểm tra Hội.

Điều 10. Nghĩa vụ của hội viên

1. Nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, Điều lệ Hiệp hội Nữ doanh nhân Việt Nam, Hội Liên

hiệp Phụ nữ tỉnh Gia Lai; chấp hành Điều lệ Hội, thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội.

2. Tham gia các hoạt động và sinh hoạt của Hội; đoàn kết, hợp tác với các hội viên khác, xây dựng Hội phát triển vững mạnh.

3. Bảo vệ uy tín của Hội, không được nhân danh Hội trong các quan hệ giao dịch, trừ khi được lãnh đạo có thẩm quyền của Hội phân công, phê chuẩn, cho phép bằng văn bản.

4. Tuyên truyền, quảng bá về hoạt động của Hội để phát triển hội viên, khuyến khích hội viên tham gia tích cực, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội.

5. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định của Hội.

6. Đóng hội phí đầy đủ và đúng hạn theo quy định của Hội.

7. Trả lại Hội thẻ hội viên, giấy chứng nhận Hội viên khi không còn là Hội viên.

Điều 11. Thủ tục gia nhập và chấm dứt quyền hội viên

1. Điều kiện gia nhập Hội:

a) Các tổ chức, cá nhân quy định tại Điều 8 có nguyện vọng gia nhập Hội cần nộp hồ sơ xin gia nhập Hội tại văn phòng Hội gồm:

- Đơn xin gia nhập Hội (theo mẫu do Hội quy định).
- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
- Tờ khai hội viên theo mẫu (theo mẫu do Hội quy định).

b) Ban Thường vụ Hội xem xét chấp nhận đơn gia nhập và ra quyết định công nhận hội viên mới. Kể từ ngày Hội có quyết định, hội viên được hưởng các quyền và nghĩa vụ của hội viên theo quy định tại Điều lệ này. Trong thời gian 20 (hai mươi) ngày sau khi kết nạp, Văn phòng Hội thông báo danh sách hội viên mới cho tất cả các hội viên trong hội.

2. Thủ tục hội viên ra khỏi Hội:

a) Hội viên tự nguyện xin ra khỏi Hội làm đơn gửi Ban Thường vụ Hội. Quyền và nghĩa vụ của hội viên sẽ chấm dứt sau khi Ban Thường vụ Hội thông báo chấp thuận.

b) Ban Thường vụ Hội xem xét, quyết định khai trừ hội viên ra khỏi Hội trong các trường hợp sau:

- Vi phạm pháp luật, vi phạm đạo đức nghề nghiệp, vi phạm Điều lệ và các quy định của Hội, làm tổn hại đến quyền lợi, uy tín và đoàn kết của Hội;
- Mất năng lực hành vi dân sự, mất quyền công dân, mất tích hoặc chết.
- Không tham gia hoạt động Hội quá 06 (sáu) tháng theo nghĩa vụ của hội viên đã quy định tại điều 10 của Điều lệ này.

- Không đóng hội phí từ 06 (sáu) tháng trở lên, trừ trường hợp có lý do được Ban Thường vụ chấp nhận.

c) Ban Thường vụ Hội ra quyết định chấm dứt tư cách hội viên. Nhiệm vụ và quyền hạn của hội viên chấm dứt kể từ khi có quyết định. Trong thời gian 20 (hai mươi) ngày sau khi có quyết định chấm dứt tư cách hội viên, Ban Thường vụ có trách nhiệm thông báo đến Ban Chấp hành, hội viên của Hội.

Chương IV **TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG**

Điều 12. Cơ cấu tổ chức của Hội

1. Đại hội.
2. Ban Chấp hành Hội.
3. Ban Thường vụ Hội.
4. Ban Kiểm tra Hội.
5. Văn phòng Hội.
6. Các Hội viên tổ chức: Câu lạc bộ Nữ Doanh nhân, Nữ tiêu thương, nữ sản xuất, khởi nghiệp của các xã.

Điều 13. Đại hội

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của hội là Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường. Đại hội nhiệm kỳ được tổ chức 05 (năm) năm một lần. Đại hội bất thường được triệu tập khi ít nhất có 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành hoặc có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức đề nghị.

2. Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường được tổ chức dưới hình thức Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu. Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu được tổ chức khi có trên 1/2 (một phần hai) số hội viên chính thức hoặc có trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức được triệu tập có mặt.

3. Nhiệm vụ của Đại hội:

a) Báo cáo số lượng đại biểu tham dự Đại hội và báo cáo thẩm tra tư cách đại biểu tham dự đại hội;

b) Thông qua chương trình đại hội, quy chế đại hội, quy chế bầu cử;

c) Thảo luận và thông qua báo cáo tổng kết nhiệm kỳ; đề ra phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ mới của Hội; Thảo luận, góp ý kiến vào báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra và báo cáo tài chính của Hội;

d) Thảo luận và thông qua Điều lệ hoặc thảo luận đổi tên Hội (nếu có), thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ hoặc tiếp tục sử dụng Điều lệ hiện hành.

e) Chia tách; sáp nhập, hợp nhất (nếu có);

f) Thông qua đề án nhân sự đại hội; biểu quyết số lượng thành viên Ban

Chấp hành và Ban Kiểm tra cho cả nhiệm kỳ của hội; đề cử, ứng cử vào danh sách Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra;

g) Bầu Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra Hội;

h) Thảo luận và quyết định những vấn đề quan trọng của Hội vượt quá thẩm quyền giải quyết của Ban Chấp hành Hội;

i) Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ Hội (nếu có);

j) Thông qua nghị quyết Đại hội.

4. Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội:

a) Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín, việc quy định hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định;

b) Việc biểu quyết thông qua các quyết định của Đại hội phải được trên $\frac{1}{2}$ (một phần hai) đại biểu chính thức được triệu tập tán thành;

c) Quyết định hợp lệ của Đại hội có hiệu lực thi hành đối với mọi hội viên kể cả hội viên vắng mặt hay bất đồng ý kiến.

5. Khi triệu tập Đại hội, Ban Chấp hành phải công bố chương trình nghị sự của Đại hội và phải gửi thư mời hội viên ít nhất 05 (năm) ngày trước ngày dự định Đại hội.

Điều 14. Ban Chấp hành Hội

1. Ban Chấp hành Hội là cơ quan lãnh đạo của Hội giữa hai nhiệm kỳ Đại hội, do Đại hội bầu trong số các hội viên chính thức của Hội. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn, điều kiện, sức khỏe, độ tuổi của ủy viên Ban Chấp hành Hội do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

Tiêu chuẩn của Ủy viên Ban Chấp hành: là hội viên của Hội; có uy tín; có tầm ảnh hưởng trong cộng đồng doanh nhân nữ; có khả năng qui tụ các doanh nhân nữ; có tinh thần đoàn kết và cống hiến; có thời gian tham gia công tác của Hội theo sự phân công của Chủ tịch hoặc Ban Chấp hành.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban chấp hành:

a) Tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội, lãnh đạo hoạt động của Hội giữa hai kỳ Đại hội;

b) Chuẩn bị và quyết định triệu tập Đại hội;

c) Quyết định chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của Hội.

d) Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy của Hội. Ban hành quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Kiểm tra; quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội; quy chế quản lý, sử dụng con dấu của Hội; quy chế khen thưởng, kỷ luật; Quy chế giải quyết khiếu nại, phản ánh, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo; Quy chế quản lý hội viên; Quy tắc đạo đức trong hoạt động của hội và các quy định trong nội bộ Hội phù hợp với quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật;

e) Bầu, miễn nhiệm, tạm đình chỉ công tác và cho phép công tác trở lại đối với Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, ủy viên Ban Thường vụ, ủy viên Ban Chấp hành, Trưởng ban, Phó Trưởng ban, Ủy viên Ban Kiểm tra; bầu bổ sung ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra. Số ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra bầu bổ sung không được quá 1/3 (một phần ba) so với số lượng ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra đã được Đại hội quyết định. Tổng số thành viên Ban chấp hành, Ban Kiểm tra (kể cả ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra được bổ sung) không vượt quá số lượng thành viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra đã được Đại hội biểu quyết thông qua;

f) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ Hội.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Chấp hành:

a) Ban Chấp hành hoạt động theo quy chế của Ban Chấp hành, tuân thủ quy định của pháp luật và điều lệ Hội;

b) Ban Chấp hành mỗi năm họp 02 (hai) lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Ban Thường vụ hoặc trên 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên Ban Chấp hành yêu cầu; Ban Chấp hành có thể tổ chức họp trực tiếp hoặc qua các nền tảng ứng dụng trực tuyến hoặc kết hợp cả hai hình thức trực tiếp và trực tuyến do Ban Chấp hành quyết định;

c) Các cuộc họp của Ban Chấp hành là họp lệ khi có trên 1/2 (một phần hai) thành viên Ban Chấp hành tham gia dự họp. Ban Chấp hành có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín, việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Chấp hành quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Ban Chấp hành biểu quyết tán thành. Trong trường hợp có số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội;

e) Giữa hai kỳ họp, Ban Chấp hành có thể biểu quyết hoặc quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Chấp hành thông qua việc lấy ý kiến Ban Chấp hành bằng văn bản.

Điều 15. Ban Thường vụ Hội

1. Ban Thường vụ Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành; Ban Thường vụ Hội gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, và các ủy viên. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn thành viên Ban Thường vụ do Ban Chấp hành quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Thường vụ cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

Tiêu chuẩn của Ủy viên Ban Thường vụ: Là ủy viên Ban Chấp hành; có uy tín; có tầm ảnh hưởng trong cộng đồng doanh nhân nữ; có khả năng qui tụ các doanh nhân nữ; có tinh thần đoàn kết và cống hiến; có khả năng phân tích, đánh giá và dự báo; có thời gian tham gia công tác của Hội theo sự phân công của Chủ tịch.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thường vụ:

a) Thay mặt Ban Chấp hành triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ

Hội; tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành; lãnh đạo hoạt động của Hội giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành;

b) Chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập họp Ban Chấp hành;

c) Quyết định thành lập các tổ chức, đơn vị thuộc Hội theo nghị quyết của Ban Chấp hành; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cơ cấu tổ chức; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm lãnh đạo các tổ chức, đơn vị thuộc Hội;

d) Quyết định kết nạp, khai trừ hội viên ra khỏi Hội;

e) Quyết định các vấn đề khen thưởng, kỷ luật của Hội.

f) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ Hội.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Thường vụ:

a) Ban Thường vụ hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành thông qua và Chủ tịch Hội ký ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Thường vụ mỗi năm họp 04 (bốn) lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Chủ tịch Hội hoặc trên 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Ban Thường vụ. Ban Thường vụ có thể tổ chức họp trực tiếp hoặc qua các nền tảng ứng dụng trực tuyến hoặc kết hợp cả hai hình thức trực tiếp và trực tuyến do Ban Thường vụ quyết định;

c) Các cuộc họp của Ban Thường vụ là họp lệ khi có trên 1/2 (một phần hai) thành viên Ban Thường vụ tham gia dự họp. Ban Thường vụ có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín, việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Thường vụ quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Thường vụ được thông qua khi có trên 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên Ban Thường vụ dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội.

e) Giữa hai kỳ họp, Ban Thường vụ có thể biểu quyết hoặc quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Thường vụ thông qua việc lấy ý kiến Ban Thường vụ bằng văn bản.

Điều 16. Ban Kiểm tra Hội

1. Ban Kiểm tra Hội gồm: Trưởng ban, Phó Trưởng ban và một số ủy viên do Đại hội bầu bằng hình thức bỏ phiếu kín hoặc giơ tay. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Kiểm tra do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

Tiêu chuẩn của Trưởng Ban Kiểm tra: là hội viên của Hội; có phẩm chất tốt, trung thực trong công việc, có uy tín, am hiểu luật pháp, có thời gian tham gia công tác của Hội. gương mẫu, đi đầu trong mọi hoạt động, tích cực đóng góp tài chính, tham gia đầy đủ các buổi sinh hoạt, luôn đặt lợi ích của Hội lên hàng đầu Chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Hội về công tác kiểm tra.

Tiêu chuẩn của Phó Ban Kiểm tra: là hội viên của Hội; có phẩm chất tốt,

trung thực trong công việc, có uy tín, am hiểu luật pháp, có thời gian tham gia công tác của Hội. Chịu trách nhiệm trước Trưởng ban kiểm tra về các công việc được phân công.

Tiêu chuẩn của các ủy viên Ban Kiểm tra: là hội viên của Hội; có phẩm chất tốt, trung thực trong công việc, có uy tín, am hiểu luật pháp, có thời gian tham gia công tác của Hội. Chịu trách nhiệm về các công việc được phân công.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm tra

a) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ Hội, nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, các quy chế của Hội trong các hoạt động của các tổ chức, đơn vị trực thuộc Hội, hội viên;

b) Xem xét, xử lý đơn, thư, phản ánh, kiến nghị, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, hội viên và công dân liên quan tới tổ chức Hội, hội viên, các tổ chức thuộc Hội đã được quy định trong Quy chế giải quyết phản ánh, kiến nghị, tranh chấp, khiếu nại tố cáo của Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội. Tổng hợp, đề nghị Ban Thường vụ, Ban Chấp hành xem xét, giải quyết đơn phản ánh, kiến nghị, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền của Ban Thường vụ, Ban Chấp hành. Trường hợp không giải quyết được thì chuyển Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm tra

Ban Kiểm tra hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội. Giữa hai kỳ họp, Ban Kiểm tra có thể biểu quyết hoặc quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm tra thông qua việc lấy ý kiến thành viên bằng văn bản.

Điều 17. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội

1. Chủ tịch Hội là đại diện pháp nhân của Hội trước pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động của Hội. Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Thường vụ Hội.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện Chủ tịch Hội:

a) Tiêu chuẩn:

- Chấp hành và thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật và của Nhà nước; có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; có quốc tịch Việt Nam; có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không có án tích;

b) Có uy tín đối với các cơ quan hữu quan, các tổ chức trong nước và quốc tế; có tầm ảnh hưởng trong cộng đồng doanh nhân nữ Việt Nam, có khả năng quy tụ doanh nhân nữ trong toàn tỉnh; có tinh thần đoàn kết và cống hiến; có khả năng phân tích, đánh giá và dự báo; có thời gian tham gia công tác của Hội theo sự phân công của BCH; có kinh nghiệm trong công tác Hội, có kỹ năng quản lý, điều hành Hội; gương mẫu, đi đầu trong mọi hoạt động, tích cực đóng góp tài chính, tham gia đầy đủ các buổi sinh hoạt, luôn đặt lợi ích của Hội lên hàng đầu

c) Điều kiện:

- Không giữ chức danh Chủ tịch quá 02 hội;
- Không phải là cán bộ, công chức trong các cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý hoặc tham mưu quản lý về lĩnh vực hoạt động chính của hội; trừ trường hợp được cấp có thẩm quyền đồng ý bằng văn bản theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ;
- Nhân sự dự kiến chủ tịch hội là cán bộ, công chức, viên chức hoặc là cán bộ, công chức, viên chức đã nghỉ hưu phải được cấp có thẩm quyền đồng ý bằng văn bản theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ;

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội:

Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội;

a) Chịu trách nhiệm toàn diện trước cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập Hội, cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực hoạt động chính của Hội, trước Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội về hoạt động của Hội. Chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của Hội theo quy định điều lệ Hội; nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội;

b) Chủ trì các phiên họp của Ban Chấp hành, chỉ đạo chuẩn bị, triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban Thường vụ;

c) Chủ tịch Hội được quyền phân công và ủy quyền cho các Phó chủ tịch phụ trách từng lĩnh vực hoạt động của Hội;

d) Thay mặt Ban Chấp hành, Ban Thường vụ ký các văn bản của Hội.

e) Khi Chủ tịch Hội vắng mặt, việc chỉ đạo, điều hành giải quyết công việc của Hội được ủy quyền bằng văn bản cho một Phó Chủ tịch Hội;

f) Là chủ tài khoản của Hội.

g) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ Hội.

4. Số lượng Phó Chủ tịch Hội: Không quá 02 Phó Chủ tịch chuyên trách. Số lượng Phó Chủ tịch không chuyên trách do Hội tự quyết định nhưng không quá 03 lần số lượng phó chủ tịch chuyên trách (áp dụng kể từ nhiệm kỳ tiếp theo).

5. Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Thường vụ Hội. Tiêu chuẩn Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định.

Tiêu chuẩn Phó Chủ tịch Hội: Có uy tín đối với các tổ chức đối tác có liên quan; có tầm ảnh hưởng trong cộng đồng doanh nhân nữ Việt Nam; có tinh thần đoàn kết và cống hiến; có khả năng phân tích, đánh giá và dự báo; có thời gian tham gia công tác của Hội theo sự phân công của Chủ tịch và BCH Hội; có kinh nghiệm trong công tác Hội;

Phó Chủ tịch giúp Chủ tịch Hội chỉ đạo, điều hành công tác của Hội theo sự phân công của Chủ tịch Hội; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội và trước pháp

luật về lĩnh vực công việc được Chủ tịch Hội phân công hoặc ủy quyền. Phó Chủ tịch Hội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội phù hợp với điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

6. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội:

a) Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội được miễn nhiệm trong các trường hợp: không đủ sức khỏe; không đủ năng lực và uy tín để hoàn thành nhiệm vụ; theo yêu cầu nhiệm vụ của cơ quan có thẩm quyền; nhân sự có đơn xin từ chức vì lý do cá nhân;

b) Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội bị bãi nhiệm khi có kết luận của cấp có thẩm quyền về việc Chủ tịch và Phó Chủ tịch vi phạm pháp luật, Điều lệ Hội làm ảnh hưởng đến uy tín, hoạt động của Hội hoặc bị Tòa án kết án có tội

c) Khi miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội phải đồng thời bầu Chủ tịch khác để thay thế theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội hoặc phân công người điều hành hoạt động của Hội trong thời gian chưa bầu được Chủ tịch.

7. Đình chỉ công tác và cho phép công tác trở lại đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch:

a) Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội bị đình chỉ trong các trường hợp: bị tạm giam, tạm giữ để điều tra xét xử theo quy định của pháp luật; vi phạm nghiêm trọng trong Điều lệ, quy chế, quy định của Hội;

b) Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể hành vi vi phạm, thẩm quyền, trình tự, thủ tục đình chỉ công tác, cho phép công tác trở lại đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội.

Điều 18. Thư ký và Văn phòng Hội

1. Thư ký là người điều hành trực tiếp mọi hoạt động của văn phòng Hội và có những nhiệm vụ sau:

a) Đại diện cho Văn phòng Hội trong quan hệ giao dịch hàng ngày;

b) Quản lý danh sách, hồ sơ, tài liệu của các hội viên và các tổ chức trực thuộc do Hội thành lập. Quản lý giấy tờ, tài liệu giao dịch hàng ngày của Hội;

c) Tổ chức, xây dựng các quy chế hoạt động của Văn phòng Hội, bao gồm cả quy chế quản lý tài chính, tài sản của Hội để trình Ban Chấp hành phê duyệt;

d) Định kỳ báo cáo Ban Chấp hành về các hoạt động của Hội;

e) Chuẩn bị và dự thảo các báo cáo hàng năm và báo cáo nhiệm kỳ của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội;

f) Chịu trách nhiệm trước Ban Chấp hành Hội và trước pháp luật về các hoạt động của Văn phòng Hội;

2. Văn phòng Hội do Ban Chấp hành Hội quyết định thành lập. Văn phòng Hội có nhiệm vụ thực hiện các công việc hành chính; quản lý tài sản, tài chính của Hội; tổ chức và hoạt động theo quy chế được Ban Chấp hành phê duyệt. Văn

phòng Hội có trách nhiệm lập và lưu giữ hồ sơ, tài liệu về tổ chức, hoạt động và tài chính của Hội.

Điều 19. Quan hệ giữa Hội Nữ doanh nhân tỉnh Gia Lai với Câu lạc bộ Nữ Doanh nhân, Nữ tiểu thương, Nữ sản xuất, khởi nghiệp các xã.

Câu lạc bộ Nữ Doanh nhân, Nữ tiểu thương, Nữ sản xuất, khởi nghiệp các xã là hội viên của Hội thực hiện theo Điều lệ của Hội và có trách nhiệm thực hiện các nghị quyết của Đại hội và các chương trình công tác theo sự chỉ đạo, hướng dẫn của Hội Nữ doanh nhân tỉnh Gia Lai; định kỳ báo cáo về hoạt động của Câu lạc bộ với Hội Nữ doanh nhân tỉnh Gia Lai.

Chương V
CHIA, TÁCH; SÁP NHẬP;
HỢP NHẤT; ĐỔI TÊN VÀ GIẢI THỂ

Điều 20. Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất, đổi tên và giải thể Hội

Việc chia, tách; sáp nhập; hợp nhất và đổi tên Hội thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự, quy định của pháp luật về hội, nghị quyết Đại hội, Điều lệ của Hội và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 21. Thu hồi con dấu của Hội

Việc thu hồi con dấu đối với Hội đổi tên, Hội bị chia, sáp nhập, hợp nhất, bị đình chỉ hoạt động có thời hạn, giải thể được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng con dấu và các quy định của pháp luật có liên quan.

Chương VI
TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN

Điều 22. Tài chính, tài sản của Hội

1. Tài chính của Hội

a) Nguồn thu của Hội:

- Lệ phí gia nhập Hội, hội phí hàng năm của hội viên, tổ chức thành viên, do Ban Chấp hành quy định phù hợp với từng thời điểm cụ thể;
- Thu từ các hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật;
- Tiền tài trợ, ủng hộ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;
- Các khoản thu hợp pháp khác.

b) Các khoản chi của Hội:

- Chi hoạt động thực hiện nhiệm vụ của Hội;
- Chi công tác hành chính, văn phòng, mua sắm tài sản, bảo dưỡng thiết bị Văn phòng Hội và phương tiện làm việc;

- Chi khen thưởng và các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

2. Tài sản của Hội:

a) Tài sản của Hội bao gồm trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động của Hội và các tài sản hợp pháp khác theo quy định của pháp luật. Tài sản của Hội được hình thành từ nguồn kinh phí của Hội; do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hiến, tặng theo quy định của pháp luật.

b) Việc quản lý, sử dụng tài sản của Hội thực hiện theo quy định của pháp luật dân sự, pháp luật về tài sản tài chính, kế toán và Điều lệ của Hội.

c) Khi hội chia tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể thì hội kiểm kê, phân loại tài sản để xác định việc xử lý tài sản:

- Đối với tài sản của Hội là tài sản công thì việc quản lý, sử dụng, xử lý thực hiện theo quy định của pháp luật về tài sản công;

- Đối với tài sản của Hội được hình thành từ nguồn tự có của Hội thì việc quản lý, sử dụng và xử lý được thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự, pháp luật có liên quan và Điều lệ của Hội.

Điều 23. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội

1. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội:

a) Tài chính, tài sản của Hội chỉ được sử dụng cho các hoạt động của Hội;

b) Tài chính, tài sản của Hội khi chia, tách; sáp nhập; hợp nhất, đình chỉ hoạt động có thời hạn và giải thể được giải quyết theo quy định của pháp luật về hội và pháp luật có liên quan.

c) Ban Chấp hành Hội ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, tiết kiệm phù hợp với quy định của pháp luật về tài chính, kế toán, về quản lý, sử dụng tài sản công và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

2. Thực hiện công tác kế toán, kiểm toán, thống kê:

a) Hội phải tổ chức công tác kế toán, thống kê theo đúng quy định của Luật Kế toán, Luật Thống kê và các văn bản hướng dẫn thực hiện, cụ thể:

- Chấp hành các quy định về chứng từ kế toán; hạch toán kế toán và các nghiệp vụ kinh tế, tài chính, tài sản có liên quan đến Hội;

- Mở sổ kế toán ghi chép và lưu trữ các nghiệp vụ kinh tế, tài chính, tài sản có liên quan đến Hội (phản ánh, theo dõi chi tiết số thu, chi tiền, hiện vật do các tổ chức, cá nhân đóng góp, viện trợ và các khoản thu, chi khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội);

- Lập đầy đủ, đúng hạn các báo cáo tài chính, quyết toán năm theo quy định

- Lập đầy đủ hồ sơ tài liệu chứng từ khác có liên quan theo quy định của pháp luật.

b) Chịu sự thanh tra, kiểm tra, kiểm toán về việc thu, chi, quản lý và sử dụng tài chính, tài sản và cung cấp các thông tin cần thiết theo yêu cầu của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

c) Cung cấp các thông tin cần thiết gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

Điều 24. Giải quyết tài sản, tài chính khi Hội chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, đình chỉ hoạt động có thời hạn và giải thể Hội.

1. Giải quyết tài sản, tài chính của Hội khi chia, tách

a) Sau khi chia hội, hội bị chia chấm dứt hoạt động, quyền, nghĩa vụ về tài sản, tài chính được chuyển giao cho hội mới theo quyết định chia hội.

b) Sau khi tách, các hội thực hiện quyền, nghĩa vụ về tài sản, tài chính của mình phù hợp với mục đích hoạt động của hội đó.

2. Giải quyết tài sản, tài chính của Hội khi sáp nhập

a) Hội được sáp nhập vào hội khác, thì tài sản, tài chính của hội được sáp nhập chuyển giao cho hội sáp nhập.

b) Hội sáp nhập được hưởng các quyền, lợi ích hợp pháp về tài sản, tài chính hiện có, chịu trách nhiệm về các khoản nợ chưa thanh toán về tài khoản, tài chính và các hợp đồng dịch vụ đang thực hiện của hội được sáp nhập.

3. Giải quyết tài sản, tài chính của Hội khi hội hợp nhất

a) Sau khi hợp nhất hội thành hội mới, các hội hợp nhất chấm dứt tồn tại, hội mới được hưởng các quyền, lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm về các khoản nợ chưa thanh toán, các hợp đồng dịch vụ mà các hội hợp nhất đang thực hiện.

b) Tài sản, tài chính của các hội hợp nhất không được phân chia, chuyển dịch mà được chuyển giao toàn bộ cho hội mới.

4. Giải quyết tài sản, tài chính khi Hội bị đình chỉ hoạt động có thời hạn

Trong thời gian bị đình chỉ hoạt động có thời hạn thì hội chỉ được chi các khoản có tính chất thường xuyên cho bộ phận thường trực giúp việc hội hoạt động đến khi có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

5. Giải quyết tài sản, tài chính khi Hội giải thể

a) Không được phân chia tài sản của Hội. Việc bán, thanh lý tài sản của Hội thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

b) Toàn bộ số tiền hiện có của Hội và tiền thu được do bán, thanh lý tài sản của Hội được thanh toán theo thứ tự sau:

- Chi phí giải thể Hội;
- Các khoản phải trả khác.

c) Đối với tài sản, tài chính tự có của Hội và tài sản, tài chính của tổ chức, cá nhân trong, ngoài nước tài trợ, viện trợ còn lại của Hội do cơ quan thuộc cấp

nào cho phép thành lập thì được nộp vào ngân sách cấp đó. Đối với tài sản do ngân sách nhà nước cấp hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước (nếu có) Hội thực hiện chuyển giao cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về hội để thực hiện xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

6. Khi Hội chia tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể thì Hội kiểm kê, phân loại tài sản để xác định việc xử lý tài sản

a) Đối với tài sản của Hội là tài sản công thì việc quản lý, sử dụng, xử lý thực hiện theo quy định của pháp luật về tài sản công.

b) Đối với tài sản của Hội được hình thành từ nguồn tự có của Hội thì việc quản lý, sử dụng và xử lý được thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự, pháp luật có liên quan và Điều lệ Hội.

Chương VII KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 25. Khen thưởng

1. Tổ chức, đơn vị, hội viên thuộc Hội có nhiều thành tích xuất sắc trong các hoạt động của Hội được Hội khen thưởng hoặc được Hội đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể hình thức, thẩm quyền, thủ tục khen thưởng trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật.

Điều 26. Kỷ luật

1. Tổ chức, đơn vị, hội viên thuộc Hội vi phạm pháp luật; vi phạm Điều lệ; quy định, Quy chế hoạt động của Hội thì bị xem xét, thi hành kỷ luật bằng các hình thức: khiển trách, cảnh báo, cách chức, khai trừ ra khỏi Hội. Trường hợp gây thiệt hại về vật chất thì ngoài hình thức kỷ luật còn phải chịu trách nhiệm bồi thường hoặc chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể thẩm quyền, quy trình xem xét, xử lý kỷ luật nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương VIII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 27. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội

1. Chỉ có Đại hội Hội Nữ Doanh nhân tỉnh Gia Lai mới có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ này. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội phải được trên $\frac{1}{2}$ (một phần hai) số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội biểu quyết tán thành.

2. Điều lệ phải được Hội hoàn thiện đảm bảo phù hợp theo quy định của pháp luật và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập Hội phê duyệt.

Điều 28. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ Hội Nữ doanh nhân tỉnh Gia Lai gồm 08 (tám) Chương, 28 (hai mươi tám) Điều được Đại hội Hội Nữ doanh nhân tỉnh Gia Lai lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 thông qua ngày 19 tháng 11 năm 2025 tại Gia Lai và có hiệu lực thi hành theo quyết định phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh.

2. Căn cứ quy định pháp luật về Hội và Điều lệ Hội, Ban Chấp hành Hội Nữ doanh nhân tỉnh Gia Lai có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ này./.